TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 15Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: **350**/2026/QĐST-HNGĐ *TP ., ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự (HNGĐ) thụ lý số 447/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Trần Như Đ, sinh năm 1984; CCCD số: 074084002428; địa chỉ thường trú: Số A Đường C, Tổ C, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số B đường L, Tổ A, Khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0963.491494.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984; CCCD số: 074184002643; địa chỉ thường trú: Số A Đường C, Tổ C, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: Số B đường L, Tổ A, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. SĐT: 0703777727.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Sau một thời gian tìm hiểu, vào năm 2009, ông Trần Như Đ và bà Nguyễn Thị N quyết định tiến tới hôn nhân nên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 17/7/2009.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc, quan tâm, lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó, ông Đ, bà N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn chia sẻ, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông Đ và bà N đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp. Hiện nay, ông Đ và bà N nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn tình cảm ngày

càng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung và nuôi con: Trong thời gian chung sống, ông Đ và bà N có 02 (hai) con chung là Trần Hoàng P (nam), sinh ngày 08/6/2012 và Trần Hoàng T (nam), sinh ngày 26/5/2014. Sau khi ly hôn, ông Đ và bà N thỏa thuận con chung Trần Hoàng P do ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, con chung Trần Hoàng T do bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đ và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Trần Như Đ và bà Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 17/7/2009 tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là phường H, Thành phố Hồ Chí Minh)).

- Về con chung: Ông Trần Như Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng P (nam), sinh ngày 08/6/2012; bà Nguyễn Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng T (nam), sinh ngày 26/5/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Như Đ và bà Nguyễn Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung (không trực tiếp nuôi dưỡng) của ông Đ, bà N. Ông Đ, bà N không được lạm dụng việc thăm nom con chung (không trực tiếp nuôi dưỡng) để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung của các bên. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Như Đ và bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Như Đ và bà Nguyễn Thị N mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0027640 ngày 05/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **THẨM PHÁN**
- TAND TP . HCM;
- VKSND KV15- TP . HCM;
- Phòng THADS KV15- TP . HCM;
- UBND P. Hoà Lợi, TP . HCM;
- CA xã, phường nơi người yêu cầu cư trú;
- Người yêu cầu;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự, VT

Trần Thanh Bình